TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HSST
Ngày: 20 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Hòa.

2. Ông Lò Văn Điện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sóng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lò Văn T (tên gọi khác: không); Sinh năm 1992 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Lò Văn T, sinh năm 1968 và bà Lò Thị H, sinh năm 1969; Sống chung như vợ chồng với chị Lù Thị L – Sinh năm: 2001 chỗ ở bản M, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và có 01 người con sinh năm 2019;

Tiền án: Bị cáo có một tiền án, theo bản án số 30/HSST ngày 29/8/2014 của tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm tù về tội Chống người thi hành công vụ và 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 30/4/2018 chấp hành xong trở về địa phương. Đến nay chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh ngày 05/3/1992. Địa chỉ Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

2. Chị Lò Thị C, sinh ngày 10/01/2003. Người đại diện theo pháp luật:

Ông Lò Văn P - sinh năm 1983 (bố đẻ chị C). Cùng trú tại địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

3. Chị Quàng Thị L, sinh ngày 04/12/2004. Người đại diện theo pháp luật: Ông Quàng Văn C - sinh năm 1985 (bố đẻ chị L). Cùng trú tại địa chỉ bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

4. Chị Lò Thị Q, sinh ngày 10/8/2003. Người đại diện theo pháp luật : Ông Lò Văn C - sinh năm 1985. Cùng địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

5. Chị Lò Thị P, sinh ngày 25/5/2003. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn Thiết - sinh năm 1982. Cùng trú tại địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

6. Anh Lò Trọng Q, sinh ngày 02/7/2003. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn C - sinh năm 1980. Cùng trú tại bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

7. Anh Lường Văn D, sinh ngày 21/01/2003. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lường Văn T- sinh năm 1976. Cùng trú tại bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

8. Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1988. Địa chỉ tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

9. Chị Trần Thị M- sinh ngày 06/3/1983. Địa chỉ tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

10. Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1977. Địa chỉ tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian cuối tháng 8 đến tháng 9 năm 2019 Lò Văn T một mình đã thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản cụ thể:

Lần 1: Khoảng 01 giờ 30 phút sáng, ngày 27 tháng 8 năm 2019 Lò Văn T đi một mình từ nhà ở tổ 1, thị trấn Đ đến trường trung học phổ thông T. Lò Văn T trèo tường vào trong và nhặt 01 thanh gỗ to gần bằng cổ tay, một đầu vát, dài khoảng 60 cm đến phòng thủ quỹ nhà trường và dùng đoạn gỗ cạy khóa cửa vào phòng thủ quỹ, bật đèn điện thoại soi sáng, sau đó lấy con dao bấm mang theo cạy cánh tủ sắt lấy chùm chìa khóa rồi mở két sắt lấy 03 phong bì rồi đi ra. Khi đến cửa phòng, T nhìn thấy có camera nên đã dùng tay bẻ camera cầm ở tay cùng với thanh gỗ và chùm chìa khóa trèo tường bằng đường cũ đi ra ngoài. Khi

đi đến khu đất trống đối diện đài tưởng niệm, huyện Đ, Lò Văn T vứt chùm chìa khóa cùng camera và đoạn gậy gỗ ở đó rồi đi ra cạnh vỉa hè ngồi bóc 03 phong bì ra dùng đèn pin điện thoại soi đếm được tổng số tiền là 10.030.000đ. Tài sản mà Lò Văn T đã trộm cắp được định giá xác định: 06 chiếc chìa khóa bằng kim loại có tổng trị giá 27.000đ, chiếc camera trị giá 210.000đ và tiền mặt 10.030.000đ. Toàn bộ số tài sản này là tài sản riêng của chị Lê Thị H thủ quỹ trường trung học phổ thông T. Số tiền 10.030.000 đồng T đã chi tiêu cá nhân hết; 06 chiếc chìa khóa, 01 camera và 01 đoạn gậy gỗ cơ quan CSĐT không thu giữ được. Tổng giá trị tài sản mà Lò Văn T trộm cắp của chị Lê Thị Hằng là 10.267.000đ.

Lần 2: Khoảng 02 giờ sáng ngày 05/09/2019, Lò Văn T đi đến khu nhà ở nội trú của học sinh trường trung học phổ thông T, huyện Đ, sau đó trèo qua tường đi đến phòng ngủ số 06, thấy không chốt cửa T mở cửa đi vào trong phòng, thấy học sinh đang ngủ say, T đã lấy trộm 04 chiếc điện thoại của các cháu học sinh. Giá trị tài sản được xác định như sau: 01 điện thoại IPHONE 6 của Lò Thị C có giá trị: 1.620.000 đồng; 01 điện thoại ZUNY của Quàng Thị L có giá trị: 1.296.000 đồng; 01 điện thoại VIVO Y93 của Lò Thị Q có giá trị: 2.274.000 đồng; 01 chiếc điện thoại OPPO A1K của Lò Thị P có giá trị: 1.914.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản Lò VănT đã bán 04 chiếc điện thoại thu được 2.100.000 đồng, hiện số tiền T đã chi tiêu cá nhân hết; Vật chứng thu giữ được 01 điện thoại IPHONE 6 trả lại cho chủ sở hữu, số vật chứng còn lại không thu giữ được. Tổng giá trị tài sản trong lần trộm cắp này là 7.104.000đ.

Lần 3: Khoảng 02 giờ sáng ngày 15 tháng 09 năm 2019, Lò Văn T đi đến khu vực nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Đ, tỉnh Điện Biên, sau đó chui qua bờ rào dây thép gai đi vào phòng ngủ số 103 khu B của học sinh, thấy học sinh đang ngủ say, T đã trộm cắp 02 chiếc điện thoại của các cháu học sinh. Tài sản được định giá xác định gồm: 01 chiếc XIAOMI của Lò Trọng Q trị giá 2.640.000 đồng; 01 chiếc điện thoại MASSTEL của Lường Văn D trị giá 780.000đ. Sau khi trộm cắp được 02 chiếc điện thoại T đã bán thu được 1.100.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết, tài sản trộm cắp không thu giữ được. Tổng giá trị tài sản trộm cắp lần này là 3.420.000đ.

Lần 4: Khoảng 02 giờ, ngày 11 tháng 09 năm 019, Lò Văn T đi đến khu vực tổ 2, thị trấn huyện Đ trộm cắp 09 con gà của chị Trần Thị M được định giá xác định có giá trị 2.030.000 đồng và 04 con gà của Nguyễn Thị H có giá trị 1.000.000 đồng. Số tài sản đã trộm cắp Thuận bán được 1.100.000 đồng chi cá nhân hết, hiện tài sản không thu giữ được. Tổng giá trị tài sản trộm cắp lần này là 3.030.000đ.

Lần 5: Cách lần thứ 4 khoảng một tuần (T không nhớ ngày) khoảng 04 giờ sáng, Lò Văn T đi đến khu vực tổ 04, thị trấn Đ trộm cắp 07 con gà của gia đình chị Nguyễn Thị N, tài sản trộm cắp định giá xác định có giá trị là 1.465.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản T đã bán thu được 800.000 đồng, số tiền bán gà T đã chi tiêu cá nhân hết. Hiện vật chứng không thu giữ được.

Tổng giá trị tài sản mà Lò Văn T đã trộm cắp trong các lần là 25.286.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ được 01 chiếc điện thoại IPHONE 6 ngày 22/11//2019 và đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01 bằng hình thức: Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Lò Thị C, khi nhận lại tài sản bị hại C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra cũng đã làm rõ anh Nguyễn Tiến D trú tại tổ 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bà Phùng Thị H trú tại tổ 15, phường M, thành phố Đ là chủ cầm đồ mua tài sản của Lò Văn T không biết do T trộm cắp bán nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với người phụ nữ theo lời khai của T là đã mua gà do bị cáo trộm của các hộ gia đình nhưng không biết tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra cũng không điều tra làm rõ được.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-ĐBĐ ngày 07/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lò Văn T về tội*: "Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lò Văn T về tội:"Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

+ Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những bị hại theo yêu cầu của các bị hại.

+ Tịch thu tiêu hủy một con dao gấp là công cụ phạm tội thu giữ của bị cáo.

+ Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Những bị hại và người đại diện theo pháp luật cho bị hại có mặt tại phiên tòa cũng như những bị hại vắng mặt đều có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về mất tài sản và đề nghị bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt; những bị hại,

người đại diện theo pháp luật cho bị hại có mặt tại phiên tòa đồng ý với mức đề xuất hình phạt của Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét sự vắng mặt của bị hại Lê Thị H; Trần Thị M, Nguyễn Thị Thu H và Lường Văn D có đơn yêu cầu xử vắng mặt và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như vấn đề bồi thường cho bị hại nên, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt những bị hại theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Xét hành vi của bị cáo Lò Văn T thấy rằng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lò Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định:

Bị cáo Lò Văn T có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo diễn ra trong thời gian dài, có tính toán về thời gian gây án là vào ban đêm, lợi dụng mọi người ngủ say để thực hiện. Hành vi đó của bị cáo không những gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân mà còn làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội.

Bị cáo Lò Văn T đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, sau khi ra tù được một thời gian lại liên tiếp thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của nhân dân trên địa bàn thị trấn Đ, trong đó có 04 lần giá trị tài sản đủ định lượng để cấu thành tội phạm. Mặc dù, bị cáo khai nhận có nghề nghiệp là làm ruộng với gia đình nhưng thực tế theo xác minh của cơ quan điều tra cho thấy sau khi ra tù về địa phương bị cáo không tham gia sản xuất cùng bố mẹ mà thường xuyên vắng mặt tại địa bàn, mỗi lần bị cáo trở về địa phương là trên địa bàn xảy ra mất tài sản, thực tế bị cáo không có nghề nghiệp gì. Bị cáo liên tiếp gây ra các vụ trộm cắp và dùng toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được vào mua ma túy sử dụng và phục vụ chi tiêu cá nhân. Từ nhân thân của bị cáo và hành vi phạm tội của bị cáo như trên có thể khẳng định bị cáo Lò Văn T đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, Cho nên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lò Văn T phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố là hoàn toàn có căn cứ.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…*

2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

b) Có tính chất chuyên nghiệp"

[2]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Bản thân bị cáo được bố mẹ cho ăn học hết 10/12, năm 2010 nghiện ma túy, ngày 04/10/ 2012 bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cở sở cai nghiện bắt buộc đến tháng 5/2013 trở về địa phương nhưng tái nghiện ma túy; ngày 27/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử 05 năm tù về tội "chống người thi hành công vụ" và tội "trộm cắp tài sản"; đến ngày 30/4/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng không ăn năn hối cải mà tiếp tục theo con đường cũ. Thể hiện bản thân bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật, sống vô trách nhiệm với bản thân và xã hội chỉ mong có lợi và thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Do đó cần phải tiếp tục áp dụng hình phạt tù có thời hạn với bị cáo trong thời gian nhất định.

Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án số 30/HSST ngày 29/8/2014 của tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên phải chịu tình tiết tăng nặng là "tái phạm" quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và bị cáo " phạm tội hai lần trở lên" đây cũng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

Tuy nhiên, cũng xem xét tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung*:* Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, hiện nay phải chịu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại cho nhiều người bị hại nên không có khả năng thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ ngày 22/11/2019 trả lại chiếc điện thoại IPHONE 6 cho bị hại Lò Thị C là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo dùng để soi sáng trộm cắp tài sản và đoạn gậy gỗ bị cáo dùng để cạy cửa trộm tài không thu thập được. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với 01 (một) con dao gấp bằng kim loại có chiều dài 1,65cm xác định là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cho nên căn cứ vào Điểm a

Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo trộm cắp tài sản gây thiệt hại cho nhiều bị hại với tổng giá trị tài sản là 25.286.000đ. Trong đó có bị hại Lò Thị Chung đã nhận lại được tài sản là chiếc iphon 6 trị giá 1.620.000đ nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Còn lại các bị hại khác đều chưa nhận được tài sản và đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo giá định giá tài sản mà Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định. Do đó, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho những bị hại như sau:

- Bồi thường cho chị Quàng Thị L, sinh ngày 04/12/2004. Địa chỉ bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.296.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Lò Thị Q, sinh ngày 10/8/2003. Địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 2.274.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Lò Thị P sinh ngày 25/5/2003. Địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.914.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Lò Trọng Q, sinh ngày 02/7/2003. Địa chỉ bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh Điện Biên Biên 2.640.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Lường Văn D, sinh ngày 21/01/2003. Địa chỉ bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 780.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988. Địa chỉ tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.000.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Trần Thị M, sinh ngày 06/3/1983. Địa chỉ tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 2.030.000 đồng

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.465.000đồng.

- Bồi thường cho chị Lê Thị H, sinh ngày 05/3/1992. Địa chỉ tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 10.267.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 23.666.000đ.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vấn đề khác trong vụ án:

Quá trình điều tra cũng đã làm rõ anh Nguyễn Tiến D trú tại tổ 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bà Phùng Thị H trú tại tổ 15, phường

M, thành phố Đ là chủ cầm đồ mua tài sản của Lò Văn T không biết do thuận trộm cắp bán nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với người phụ nữ theo lời khai của T là đã mua gà do bị cáo trộm của các hộ gia đình nhưng không biết tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra cũng không điều tra làm rõ được. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8]. Về án phí*:* Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí. Do đó, căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 23; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 23.666.000đ x 5% = 1.183.300 đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 21/10/2019).

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao gấp bằng kim loại có chiều dài 1,65cm. Vật chứng trên đã được mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 08/01/2020.

3. Về dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho những bị hại như sau:

- Bồi thường cho chị Quàng Thị L, sinh ngày 04/12/2004. Địa chỉ bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.296.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Lò Thị Q, sinh ngày 10/8/2003. Địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 2.274.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Lò Thị P sinh ngày 25/5/2003. Địa chỉ bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.914.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Lò Trọng Q, sinh ngày 02/7/2003. Địa chỉ bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh Điện Biên Biên 2.640.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Lường Văn D, sinh ngày 21/01/2003. Địa chỉ bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 780.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988. Địa chỉ tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.000.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Trần Thị M, sinh ngày 06/3/1983. Địa chỉ tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 2.030.000 đồng

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1.465.000đồng.

- Bồi thường cho chị Lê Thị H, sinh ngày 05/3/1992. Địa chỉ tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 10.267.000 đồng.

Kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Lò Văn T và các bị hại có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 23; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 bị cáo phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.183.300đ án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, các bị hại, người đại diện theo pháp luật của các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/ 02/2020); các bị hại, người đại diện theo pháp luật của các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Các bị hại, người đại diện theo pháp luật bị hại;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an huyện ĐBĐ;
- Cơ quan THAHS huyện ĐBĐ;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐBĐ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện ĐBĐ ;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga